

- B. Nhập viện, dùng kháng sinh dự phòng viêm màng não.
☒ C. Phẫu thuật cấp cứu và dùng kháng sinh dự phòng viêm màng não.
 D. Nhập viện, dùng kháng sinh dự phòng và phẫu thuật sau 1 tuần.
 E. Nhập viện theo dõi và phẫu thuật khi có biến chứng dò dịch não tủy

9. Trong thời gian theo dõi sau điều trị, biến chứng nào có thể gặp và nguy hiểm đối với bệnh nhân này là:

- A. Abscess não
 B. Tụ mủ dưới màng cứng
☒ C. Nhiễm trùng huyết
 D. Viêm não thất
 E. Động kinh

10. Những nhận định sau đây về u não, chọn câu sai:

- A. Khoảng 50% khối u ở não là u di căn
☒ B. Động kinh ở người trưởng thành luôn là triệu chứng của khối u não
 C. Điều trị u não hiện nay là kết hợp của nhiều phương pháp: phẫu thuật, xạ trị, hóa trị
 D. U não hiện nay được chẩn đoán sớm hơn nhờ sự áp dụng CT sọ não, MRI sọ não rộng rãi
 E. Hiện nay, tỉ lệ u di căn ở não đang gia tăng do các bệnh nhân ung thư có thời gian sống còn lâu hơn

11. Tổn thương nguyên phát trong chấn thương sọ não, chọn câu đúng:

- A. Máu tụ trong não
 B. Phù não
☒ C. Nứt sọ
 D. Tụt não
 E. Không câu nào đúng

12. Triệu chứng lâm sàng thường gặp của u não dưới lều, chọn câu đúng:

- A. Mất trí nhớ
 B. Co giật
 C. Mù mắt
☒ D. Dáng đi loạn choạng
 E. Thờ ơ, ít tiếp xúc

Tình huống lâm sàng (dùng cho câu 13&14): Bệnh nhân nam, 72 tuổi đến khám vì yếu dần 1/2 người trái. Bệnh nhân có té chấn thương vào đầu khi đi qua cầu khi cách nay 2 tháng, gần đây có đau đầu sau đó yếu dần 1/2 người từ 2 ngày nay.

13. Chẩn đoán lâm sàng phù hợp nhất:

- A. Xuất huyết não
 B. U não
☒ C. Máu tụ dưới màng cứng mãn tính
 D. Túi phình mạch máu não
 E. Abscess não

14. Các cận lâm sàng cần làm để chẩn đoán xác định trên (tối ưu nhất):

- A. Điện não đồ
 B. Điện não đồ+huyết thanh chẩn đoán ký sinh trùng
 C. Chụp mạch máu não
☒ D. CT-Scan não không cản quang
 E. Điện não đồ+MRI não

15. Theo thang điểm Glasgow, chấn thương sọ não mức độ trung bình:

- A. 12-14
 B. 13-15
☒ C. 9-12
 D. 3-8
 E. 9-14

16. Bệnh nhân nữ, 60 tuổi, nhập viện vì tai nạn giao thông. Khám: bệnh nhân tỉnh và tiếp xúc chậm, GCS=13 điểm, sưng to vùng thái dương phải. CTscan sọ não: máu tụ dưới màng cứng bán cầu trái, bề dày nhỏ hơn 10 mm, đường giữa di lệch sang phải nhỏ hơn 5 mm.

Chỉ định điều trị đúng nhất:

- A. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ dưới màng cứng bán cầu trái.
 B. Điều trị tại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác và dấu thần kinh khu trú.
☒ C. Nhập viện theo dõi tình trạng tri giác và các dấu hiệu thần kinh khu trú.

- D. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ ngoài màng cứng bên phải và máu tụ dưới màng cứng bên trái.
E. Phẫu thuật sau 24 giờ.

17. Những dấu hiệu nguy cơ cao của tổn thương trong sọ sau chấn thương sọ não, chọn câu đúng:

- A. Co giật
B. Đau đầu
☒ C. Liệt nửa người
D. Chóng mặt
E. Mất trí nhớ

18. Những tiêu chí cho việc theo dõi tại nhà đối với người bệnh sau chấn thương sọ não, chọn câu đúng:

- A. Đau đầu
☒ B. GCS ≥ 14 điểm
C. Ói
D. Bệnh nhân có nhà ở gần bệnh viện
E. Mất trí nhớ

19. Triệu chứng lâm sàng thường gặp của u não vùng thái dương bên trái, chọn câu đúng:

- A. Mất trí nhớ
B. Chóng mặt
C. Mù mắt
☒ D. Rối loạn vận ngôn
E. Thờ ơ, ít tiếp xúc

20. Liên quan đến biểu hiện lâm sàng của bệnh lý u não, chọn câu sai:

- A. Đau đầu là triệu chứng thường gặp. ✓
B. Có trường hợp không có triệu chứng đau đầu, bệnh nhân chỉ có biểu hiện triệu chứng về thị giác
C. Co giật ở người trưởng thành có thể là triệu chứng duy nhất
☒ D. Luôn luôn có biểu hiện đau đầu
E. Rối loạn nội tiết có thể là triệu chứng của khối u não ✓

21. Hội chứng tủy trung tâm, chọn câu sai:

- ☒ A. Là tổn thương tủy hoàn toàn
B. Yếu chi trên nhiều hơn chi dưới.
C. Rối loạn cơ vòng.
D. Rối loạn cảm giác theo kiểu treo
E. Là tổn thương tủy không hoàn toàn.

22. Hội chứng Brown-Sequard, điều nào sau đây không đúng:

- A. Mất cảm giác đau và nhiệt đối bên tổn thương
B. Cùng bên tổn thương liệt vận động, mất cảm giác sâu
C. Là tổn thương tủy không hoàn toàn
☒ D. Cùng bên tổn thương liệt vận động, mất cảm giác nông
E. Mất cảm giác sâu cùng bên tổn thương

23. Những tiêu chí cho việc theo dõi tại nhà đối với người bệnh sau chấn thương sọ não, chọn câu đúng:

- A. Sưng bầm da đầu nghiêm trọng
B. Nói lúc đúng, lúc sai
☒ C. Đau đầu nhẹ, CT-Scan sọ não bình thường
D. Bệnh nhân có nhà ở gần bệnh viện
E. Có tình trạng say rượu

Tình huống lâm sàng: Bệnh nhân nam là công nhân xây dựng được đưa vào cấp cứu sau tai nạn té giàn giáo. Khám lâm sàng: liệt hai chân, sức cơ 1/5, giảm cảm giác đau từ ngang nếp bẹn trở xuống. Cầu bàng quang (+)

24. Phân loại Frankel trên bệnh nhân này:

- A.
☒ B.
☒ C.
D.
E.

25. Kết quả cận lâm sàng ghi nhận có tình trạng gãy vỡ thân sống L1 nhiều mảnh, chèn ép vào ống sống. Xử trí đúng nhất:

- A. Dùng corticoid (methylprednisolone)

- B. Dùng corticoid và mang đai lưng cổ định 3 tháng.
☒ C. Phẫu thuật cấp cứu
 D. Dùng corticoid và nằm trên mặt phẳng cứng 3 tháng
 E. Bỏ bột lưng cổ định
26. Đau nước. Chọn câu sai:
☒ A. Triệu chứng lâm sàng thường không đặc hiệu và khó chẩn đoán
 B. Gây dẫn rộng não thất và tăng áp lực nội sọ
 C. Có thể diễn tiến cấp tính gây tử vong
 D. Triệu chứng có thể khác nhau ở trẻ nhỏ và trẻ lớn
 E. Câu B, C đúng
27. Bệnh đầu nước trẻ em.
 A. Thường chỉ phát hiện được sau sanh
 B. Không liên quan yếu tố di truyền
 C. Đầu to là dấu hiệu đặc hiệu nhất
☒ D. Tiến triển bệnh thay đổi theo thời gian
 E. Chỉ cần chẩn đoán và điều trị nguyên nhân là đạt hiệu quả
28. Cơ chế bệnh đầu nước. Chọn câu sai:
 A. Do tăng tiết quá mức dịch não tủy (DNT)
☒ B. Do u tủy gây tắc nghẽn lưu thông
 C. Tình trạng kém hấp thu DNT thường gặp sau viêm màng não, xuất huyết dưới nhện
 D. U đám rối mạch mạc thường gây đầu nước thông thương
 E. Sự cân bằng giữa hấp thu, bài tiết DNT là tương đối
29. Liên quan đến bệnh đầu nước:
 A. Phát hiện dễ ở 3 tháng đầu thai kì bằng siêu âm 3, 4 chiều
 B. Yếu tố nguy cơ: mẹ bị tiểu đường, cao huyết áp, tiền sản giật ...
 C. Đa số trẻ bị chậm phát triển trí tuệ dù có điều trị tích cực
☒ D. Cho đến ngày nay VP shunt vẫn là phương pháp điều trị phổ biến
 E. Nên khuyến cáo chấm dứt sớm thai kì ngay khi phát hiện
30. Điều trị bệnh đầu nước. Chọn câu sai:
 A. Tùy thuộc vào nguyên nhân
 B. Tùy thuộc vào diễn tiến bệnh
 C. Phẫu thuật nội soi mở thông sàn não thất III rất hiệu quả trong bệnh đầu nước tắc nghẽn
 D. Điều trị nội khoa ít quan trọng
☒ E. Không cần điều trị do DNT sẽ tái lưu thông sau khi loại bỏ được nguyên nhân gây tắc nghẽn
31. Đặc điểm thoát vị tủy - màng tủy. Chọn câu sai:
☒ A. Thường phát hiện rõ sau sanh từ 6 tháng tuổi
 B. Gặp ở vùng thắt lưng - cùng
 C. Có thể dò dịch não tủy
 D. Có liên quan đến acid folic
 E. Dễ nhiễm trùng nếu không can thiệp
32. Dị tật cột sống chẻ đôi:
☒ A. Do sự khép ống thần kinh không hoàn toàn
 B. Xảy ra từ tuần 13 - 15 phôi thai
 C. Phân biệt dị tật kín hay hở dựa vào thành phần trong khối thoát vị
 D. Câu A, B đúng
 E. Câu A, C đúng
33. Dị tật cột sống chẻ đôi kín:
 A. Bao gồm: thoát vị tủy - màng tủy - mỡ, xoang bì, nang thần kinh - ruột ...
 B. Thường phát hiện trễ hơn dị tật hở
 C. Đôi khi có biến chứng nhiễm trùng
 D. Câu A, B đúng
☒ E. Câu A, B, C đúng
34. Biểu hiện ngoài da ở vùng cột sống bị dị tật chẻ đôi. Chọn câu sai:
 A. Khối u mỡ trên đường giữa, cạnh giữa cột sống
 B. Rậm lông
 C. Ấn lõm hình đồng tiền

- D. Bướu máu
☒ E. Ấn lõm vùng cùng cụt, giữa rãnh gian mông
35. Tâm soát dị tật ống thần kinh:
 A. Thực hiện trong 3 tháng đầu thai kỳ
☒ B. Các xét nghiệm: siêu âm thai, AFP, chọc ối
 C. Luôn được khuyến cáo phá thai khi có chẩn đoán dương tính
 D. Có thể bỏ sót 30 – 50% trường hợp
 E. Tất cả đúng
36. Trong dị tật cột sống chẻ đôi, các trường hợp sau đây cần được xem xét mổ khẩn:
 A. Thoát vị tủy – màng tủy hở
 B. Thoát vị màng tủy mà màu sắc da trên khối thoát vị trở nên dần mồng, hoại tử
 C. Nang xoang bì chưa có biểu hiện nhiễm trùng
 D. Câu A, B đúng
☒ E. Cả 3 câu đều đúng
37. Mục tiêu của phẫu thuật thoát vị tủy – màng tủy:
☒ A. Tạo hình hoàn chỉnh các cấu trúc giải phẫu ban đầu của ống thần kinh
 B. Phòng ngừa nhiễm trùng tại chỗ
 C. Phục hồi khiếm khuyết chức năng thần kinh
 D. Giảm tỉ lệ đầu nước tiến triển trong 6 tháng đầu
 E. Câu A, B, C đúng
38. Biến chứng muộn trong dị tật cột sống chẻ đôi gồm. Chọn câu sai:
 A. Bàng quang thần kinh
 B. Táo bón kéo dài
 C. Teo cơ 2 chân
 D. Vẹo cột sống
☒ E. Chậm phát triển trí tuệ nghiêm trọng
- Chọn một câu trả lời đúng nhất
39. Độ tuổi thường gặp của xuất huyết dưới nhện tự phát:
 A. Trẻ em cũng có khả năng bị xuất huyết dưới nhện
 B. Độ tuổi lao động chính: 18 đến 60 tuổi
 C. Trưởng thành
☒ D. Trung niên xoay quanh 50 tuổi,
40. Định nghĩa xuất huyết dưới nhện tự phát:
☒ A. Có máu trong khoang dưới nhện không do chấn thương
 B. Có máu trong khoang dưới màng cứng
 C. Có máu trong các bể nền
 D. Có máu trong các rãnh võ não
41. Triệu chứng cơ năng có giá trị gợi ý xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. Đau đầu dữ dội và đột ngột
 B. Con đau đầu tột tệ nhất từ trước đến giờ bệnh nhân chịu
 C. Có thể mất ý thức kèm theo
☒ D. Các ý trên đều đúng
42. Dấu hiệu thực thể có giá trị gợi ý xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. Yếu nửa người gợi ý vị trí túi phình não giữa
 B. Liệt các dây sọ gợi ý vị trí túi phình thông sau
 C. Thay đổi tri giác
☒ D. Dấu cổ gượng có thể gặp 35% các trường hợp
43. Bảng phân độ bệnh nhân xuất huyết dưới nhện tự phát theo Hunt-Hess hoặc WFNS có giá trị
 A. Tiên lượng tử vong bệnh nhân
 B. Giúp lựa chọn phương pháp điều trị thích hợp
 C. Giúp lên kế hoạch theo dõi bệnh nhân tốt hơn
☒ D. Các câu trên đều đúng
44. Nguyên nhân thường gặp nhất của xuất huyết dưới nhện tự phát
☒ A. Túi phình động mạch não gặp hơn 80% các trường hợp
 B. Do tăng huyết áp
 C. Do vỡ dị dạng mạch máu não

D. Do viêm thành mạch máu

45. Diễn tiến sinh lý bệnh xuất huyết dưới nhện tự phát gây ra

A. Tăng áp lực nội sọ

B. Tổn thương cơ chế điều hòa não

C. Thiếu máu não do co mạch

☒ D. Tất cả các diễn biến trên

46. Nghi ngờ bệnh nhân có xuất huyết dưới nhện tự phát, bước tiếp theo nên làm

☒ A. Chụp CT scan sọ không cản quang xác định xuất huyết dưới nhện

B. CT scan sọ không cản quang và CT mạch máu xác định nguyên nhân

C. MRI sọ não

D. Chọc dò dịch não tủy

47. Bệnh nhân nghi ngờ có xuất huyết dưới nhện mà CT scan sọ âm tính bước tiếp theo

A. Chọc dò dịch não tủy có giá trị cao hơn, tuy nhiên đây là xét nghiệm xâm lấn gây nguy hiểm cho bệnh nhân

☒ B. Chụp MRI sọ não dễ thực hiện hơn, tuy nhiên có giá trị thấp xác thấp

C. Lựa chọn chọc dò dịch não tủy hay MRI sọ não cần nhắc cho từng trường hợp cụ thể

D. Câu A và B đều đúng

48. Xét nghiệm giúp chẩn đoán nguyên nhân xuất huyết dưới nhện tự phát

A. CT tái tạo mạch máu não (CTA)

☒ B. Chụp mạch máu kỹ thuật số xóa nền (DSA)

C. Chụp hình cộng hưởng từ mạch máu (MRA)

☒ D. Tất cả các xét nghiệm trên

49. Giai đoạn sớm sau xuất huyết dưới nhện tự phát cần quan tâm biến chứng

☒ A. Tái vỡ túi phình

B. Giãn não thất

C. Co thắt mạch

D. Nhồi máu não

50. Diễn biến sinh lý có thể để lại chứng thần kinh sau xuất huyết dưới nhện tự phát

☒ A. Co thắt mạch gây khiếm khuyết thần kinh

B. Rối loạn điện giải có thể gây hôn mê

C. Giãn não thất muộn cần phải đặt dẫn lưu não thất ổ bụng

D. Viêm phổi

☒ 51. Nguyên tắc điều trị túi phình trong xuất huyết dưới nhện tự phát

☒ A. Loại bỏ túi phình hoàn toàn

B. Phương pháp điều trị đảm bảo hiệu quả lâu dài

C. Can thiệp nội mạch được ưu tiên lựa chọn hơn

D. Câu A và B đúng

☒ 52. Điều trị xuất huyết dưới nhện tự phát do vỡ túi phình động mạch não khi chưa loại bỏ túi phình

☒ A. Điều chỉnh huyết áp nhằm cân bằng nguy cơ tái vỡ và nguy cơ thiếu máu não

B. Dự phòng co thắt mạch sớm

C. A và B đúng

D. Điều trị tăng khả năng đông cầm máu

53. Điều trị túi phình động mạch não gây xuất huyết dưới nhện

A. Cần có sự phối hợp can thiệp nội mạch và phẫu thuật thần kinh

B. Can thiệp nội mạch được ưu tiên lựa chọn hàng đầu

C. Điều trị phẫu thuật kẹp cổ túi phình chỉ được lựa chọn một số vị trí

☒ D. Tất cả các câu đều đúng

54. Điều trị can thiệp nội mạch trong xuất huyết dưới nhện do vỡ túi phình được ưu tiên

A. Tình trạng lâm sàng Hunt-Hess > 3 hoặc WFNS > 3

B. Không có khối choáng chỗ phối hợp

C. Vị trí túi phình thuận lợi sau

☒ D. Tất cả các yếu tố trên

55. Biến chứng muộn của xuất huyết dưới nhện

☒ A. Co thắt mạch

B. Giãn não thất muộn

C. Động kinh

- Tất cả các câu trên
1. Yếu tố thuận lợi co thắt mạch trong xuất huyết dưới nhện
- A. Xuất huyết dưới nhện nhiều
- B. Tình trạng lâm sàng nặng
- C. Vị trí túi phình thông trước
- D. Tất cả đều đúng
57. Điều trị nội khoa trong co thắt mạch
- A. Nimodipine có vai trò trong phòng ngừa co thắt mạch
- B. Nimodipine có vai trò điều trị co thắt mạch
- C. Tăng truyền dịch
- D. A và B đúng
58. Nguyên tắc điều trị túi phình trong xuất huyết dưới nhện tự phát
- A. Loại bỏ túi phình hoàn toàn
- B. Loại bỏ nguy cơ tái xuất huyết
- C. Loại bỏ túi phình bằng can thiệp nội mạch
- D. Loại bỏ túi phình bằng phẫu thuật mở sọ kẹp túi phình
- E. Loại bỏ túi phình hoàn toàn càng sớm càng tốt
59. Phẫu thuật mở sọ kẹp túi phình gây xuất huyết dưới nhện tự phát
- A. Ưu thế cho một số vị trí
- B. Khi có tổn thương khối choáng chỗ lớn phối hợp
- C. Bệnh nhân trẻ tuổi
- D. Tình trạng lâm sàng tốt
- E. Tất cả các câu trên đều đúng
60. Đau lưng lan theo rễ thần kinh, liệt chi và rối loạn cơ vòng chi vài giờ sau, là đặc điểm của:
- A. Áp xe ngoài màng tủy
- B. Chèn ép chùm rễ thần kinh đuôi ngựa cấp tính.
- C. Hội chứng Brown-Séquard diễn biến cấp tính.
- D. Máu tụ ngoài màng tủy
- E. Tất cả đều sai.
61. Đau cổ lan vai và tay, lan theo rễ thần kinh, liệt chi và rối loạn cơ vòng chi vài ngày sau, CRP tăng, Bạch cầu trong máu tăng, là đặc điểm của:
- A. chèn ép tủy cổ cấp do thoát vị đĩa đệm khối lớn.
- B. Áp xe ngoài màng tủy
- C. Máu tụ ngoài màng tủy
- D. U tủy
- E. U di căn xương.
62. Chèn ép tủy cấp do khối chiếm chỗ (mass lesion) gây liệt chi và bí tiểu. Chọn câu sai
- A. Là cấp cứu
- B. MRI cần cho chẩn đoán.
- C. Myelography hoặc CT-Myelogram thay thế MRI ở nơi nào chưa có MRI
- D. Phải mổ giải ép 24 giờ sau
- E. Tất cả đều đúng.
63. Liệt nâng cánh tay (liệt cơ Delta) ở người bệnh đau cổ lan vai và phần trên ngoài cánh tay là đặc điểm của:
- A. Chèn ép rễ C4
- B. Chèn ép rễ C5
- C. Chèn ép rễ C6
- D. Chèn ép rễ C7
- E. Chèn ép rễ C8
64. Liệt nâng cánh tay (liệt cơ Delta) ở người bệnh đau cổ lan vai và phần trên ngoài cánh tay. Chọn câu sai:
- A. MRI cột sống cổ cần cho chẩn đoán.
- B. Giảm đau mạnh là cần thiết
- C. Phẫu thuật giải ép trong 24 giờ kể từ lúc khởi phát.
- D. EMG (điện cơ) là cần cho chẩn đoán
- E. Phẫu thuật giải ép 24 giờ sau
65. Cauda equina syndrome (hội chứng chùm đuôi ngựa) do khối choán chỗ (mass lesion). Chọn câu sai:
- A. Mất cảm giác da vùng hậu môn - sinh dục (saddle anesthesia)

- B. Yếu hoặc liệt cẳng chân, liệt nâng bàn chân (foot drop)
 - C. Giảm hoặc mất phản xạ gân gót (gân Achyls)
 - D. Tiểu không kiểm soát
 - ☒ E. Phẫu thuật giải ép sau 24 giờ.
- 66 Bệnh nhân đau lan theo rễ thần kinh L5 do thoát vị đĩa đệm. Chọn câu sai:
- A. Đau lan theo mặt sau ngoài đùi, mặt ngoài cẳng chân.
 - B. Yếu động tác nâng ngón chân cái.
 - C. Có thể do chèn ép ở vị trí sau bên của khoảng đĩa đệm L4-L5
 - ☒ D. Có thể do chèn ép ở vị trí lỗ liên hợp L5-S1.
 - E. diễn biến đi rớt dép (foot drop) nhưng chỉ cần cho thuốc giảm đau là tạm ổn định.
- ☒ 67 Chèn ép tủy ngực mãn tính. Chọn câu sai
- A. Tăng phản xạ gân xương chi dưới.
 - B. Babinski (+)
 - C. Có thể có hội chứng Brown-Séquard, hoặc chi yếu vận động hoặc tê chân tùy vị trí chèn ép.
 - D. Giảm chức năng sinh dục, Tiểu khó, tiểu dầm có thể có lúc hồi bệnh sử
 - ☒ E. MSCT (chụp cắt lớp đa lát cắt) cần thiết cho chẩn đoán
- 68 Người bệnh có vùng vẻ cử động bàn tay, tê tay, yếu chi, cần thiết phải: Chọn câu sai
- ☒ A. phẫu thuật giải ép ống cổ tay nếu điện cơ ghi nhận có hội chứng ống cổ tay.
 - B. Khám xem có dấu hiệu Hoffmann.
 - C. MRI tủy cổ nếu có dấu hiệu chèn ép tủy.
 - D. X quang cột sống cổ ít có dấu hiệu giá trị.
 - E. Nguyên nhân có thể do Thoát vị đĩa đệm, do u, do lao đốt sống,..vùng cột sống cổ.
- 69 Chỉ định phẫu thuật cấp cứu ở người bệnh thoát vị đĩa đệm thắt lưng, Chọn câu sai
- A. Cauda equine syndrome (hội chứng đuôi ngựa)
 - B. Đau theo rễ thần kinh L5 có liệt vận động.
 - C. Đau theo rễ thần kinh S1 có liệt vận động.
 - D. Đau kháng trị.
 - ☒ E. Đau dọc mông và đùi
- 70 Bệnh nhân đau lan theo rễ thần kinh S1 do thoát vị đĩa đệm. Chọn câu đúng:
- A. Đau lan theo mặt sau đùi, mặt sau cẳng chân.
 - B. Yếu động tác nâng ngón chân cái.
 - C. Bệnh nhân không đi được bằng mũi
 - D. Giảm phản xạ gân gót
 - ☒ E. A C D đúng